

Số: 03/2025/QĐST-DS

P, ngày 21 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 13/3/2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 04/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 13/3/2025, về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự sau:

* Nguyên đơn: + Ông Hà Văn Kh, sinh năm 1957;
+ Bà Lưu Thị S, sinh năm 1961;

Cùng địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

* Bị đơn: + Ông Lưu Văn L, sinh năm 1977;
+ Bà Trần Thị L1, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số nợ gốc: Nguyên đơn ông Hà Văn Kh, bà Lưu Thị S và bị đơn ông Lưu Văn L, bà Trần Thị L1 tự nguyện thỏa thuận thống nhất xác định, vợ chồng ông L, bà L1 còn nợ vợ chồng ông Kh, bà S tổng số tiền nợ gốc là 420.000.000 đồng (bốn trăm hai mươi triệu đồng).

2.2. Về tiền lãi: Nguyên đơn ông Hà Văn Kh, bà Lưu Thị S và bị đơn ông Lưu Văn L, bà Trần Thị L1 tự nguyện thỏa thuận thống nhất, vợ chồng ông L, bà L1 còn nợ vợ chồng ông Kh, bà S số tiền lãi trên nợ gốc tính đến ngày 13/3/2025 là 187.649.000 đồng (một trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

Tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 13/3/2025 là 607.649.000 đồng (sáu trăm linh bảy triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

2.3. Về phương thức và thời hạn thông toán: Nguyên đơn ông Hà Văn Kh, bà Lưu Thị S và bị đơn ông Lưu Văn L, bà Trần Thị L1 tự nguyện thỏa thuận thống nhất, vợ chồng ông L, bà L1 có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ trên cho vợ chồng ông Kh, bà S, hạn cuối cùng vào ngày 13/9/2026, thời điểm bắt đầu tính từ ngày

13/3/2025 đến hết ngày 13/9/2026 cụ thể như sau:

+ Từ ngày 13/3/2025 đến ngày 13/6/2025, ông L, bà L1 trả ông Kh, bà S số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*), chậm nhất là ngày 13/6/2025.

+ Từ ngày 13/6/2025 đến ngày 13/9/2025, ông L, bà L1 trả ông Kh, bà S số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*), chậm nhất là ngày 13/9/2025.

+ Từ ngày 13/9/2025 đến ngày 13/12/2025, ông L, bà L1 trả ông Kh, bà S số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*), chậm nhất là ngày 13/12/2025.

+ Từ ngày 13/12/2025 đến ngày 13/3/2026, ông L, bà L1 trả ông Kh, bà S số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*), chậm nhất là ngày 13/3/2026.

+ Từ ngày 13/3/2026 đến ngày 13/6/2026, ông L, bà L1 trả ông Kh, bà S số tiền là 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*). Trong đó, có 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*) tiền nợ gốc và 80.000.000 đồng (*tám mươi triệu đồng*) tiền lãi, chậm nhất là ngày 13/6/2026.

+ Từ ngày 13/6/2026 đến ngày 13/9/2026, ông L, bà L1 có nghĩa vụ trả ông Kh, bà S nốt số tiền lãi là 107.649.000 đồng (*một trăm linh bảy triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng*), chậm nhất là ngày 13/9/2026.

Kể từ ngày 14/3/2025, vợ chồng ông Lưu Văn L, bà Trần Thị L1 còn phải trả khoản tiền lãi chậm trả của số tiền nợ gốc chưa thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất hai bên thoả thuận là 12%/năm.

2.4. Về án phí: Các bên đương sự thỏa thuận thống nhất, bị đơn ông Lưu Văn L và bà Trần Thị L1 tự nguyện nhận chịu toàn bộ số tiền 14.152.980đ (*mười bốn triệu một trăm năm mươi hai nghìn chín trăm tám mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân :

- TAND tỉnh HY;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Quyền

